

# GIÁO DỤC VIỆT NAM TRƯỚC SỨC ÉP CỦA NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Phạm Xuân Hậu

## ABSTRACT

*Along with the country's economic reform process, education and training has to establish appropriate itinerary to that development, through the change in perspectives, and to seek for effective solutions and actions. Otherwise, it is unlikely that Vietnam education system can find out its position in that special and competitive market.*

## TÓM TẮT

*Cùng với quá trình đổi mới kinh tế đất nước, giáo dục và đào tạo phải xác lập được mối tương quan thích hợp, thông qua việc thay đổi nhận thức tìm kiếm những giải pháp và hành động, nếu không giáo dục Việt Nam sẽ không có chỗ đứng trong thị trường cạnh tranh đặc biệt này.*

## I. MỞ ĐẦU

Ngay từ những thập niên đầu của thế kỷ 21, sự cạnh tranh hết sức gay gắt của nền kinh tế đang phát triển trong xu thế toàn cầu hóa, đặc biệt là sự xuất hiện của nền kinh tế tri thức tuy mới được chú ý nhưng đã nhanh chóng cuốn theo vòng xoáy này. Các nhà nghiên cứu, hoạch định chính sách kinh tế và giáo dục không thể không quan tâm sâu sắc bởi lẽ để có thể tham gia vào thị trường cạnh tranh mỗi quốc gia phải trước hết phát huy nội lực của mình. Rất nhiều quốc gia tiên bộ trên thế giới đã khẳng định vị thế của mình trên trường quốc tế từ nguồn nội lực như Hoa Kỳ, Đức, Hàn Quốc, ... hay ở Đông Nam Á điển hình là Singapore. Sự khẳng định vị trí này đã được chứng minh khá rõ trong mối tương quan giữa kinh tế và giáo dục.

Nói như vậy có nghĩa là đối với giáo dục chúng ta cũng cần có cái nhìn dưới góc độ “thị trường”, những biểu hiện của giáo dục hiện nay là việc “cung” và “cầu”. Việc cung cầu này chỉ có thể duy trì mối quan hệ lâu bền khi phía cung đảm bảo đầy đủ yêu cầu (số lượng, chất lượng) và ngược lại phía cầu phải dựa trên cơ sở vì lợi ích lâu dài.

Từ xưa chúng ta đã thường dùng chữ “thị trường” giáo dục khi nền kinh tế tri thức chưa xuất hiện, ta chỉ hiểu đơn thuần

chữ thị trường theo nghĩa về mặt không gian rộng, hẹp với số lượng nhiều hay ít mà ít chú ý đến khía cạnh chất lượng, trong khi đó chính khía cạnh chất lượng nó tiềm ẩn yếu tố “thị trường” rất lớn.

Ở đây chúng tôi chưa đề cập mạnh mẽ đến việc “kinh doanh giáo dục” hay coi sản phẩm giáo dục là một loại “hàng hóa” mà chỉ nêu lên khía cạnh “Dịch vụ giáo dục” trong nền kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

## II. MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA KINH TẾ VÀ GIÁO DỤC TRONG THỜI KỲ PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

Từ 1986, chính sách đổi mới nền kinh tế được khởi xướng, đến thập niên 90 nền kinh tế nước ta đã thực sự khởi sắc với tốc độ tăng trưởng tương đối khá nhanh (7% đến 8%/ năm). Thu nhập GDP bình quân đầu người đã nâng lên đáng kể đang đuổi kịp một số nước trong khu vực, tham gia tích cực vào thị trường khu vực và thế giới. Sự chuyển dịch cơ cấu GDP theo các ngành kinh tế đã thể hiện khá rõ trong phát triển kinh tế nước ta hiện nay (Xem bảng 1, đơn vị %, nguồn ADB).

STT	Năm					
	Ngành	1985	1990	1995	2000	2003
1	Nông nghiệp	40.2	28.2	27.2	24.5	21.8
2	Công nghiệp	27.4	22.7	28.8	36.7	40.0
3	Dịch vụ	32.5	38.6	44.1	38.7	38.2

**Bảng 1: Cơ cấu GDP phân bố theo các ngành kinh tế**

Chỉ số phát triển con người (HDI) có sự vượt trội ở một số chỉ tiêu (đứng hàng thứ 108/177 quốc gia): năm 2003 chỉ số là 0,704, chỉ số này cao hơn ở một số nước phát triển (0,663), đang tiến gần đến chuẩn các quốc gia phát triển có chỉ số cao (0,756) có thể vượt qua chuẩn của thế giới (0,729).

Mặc dù Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể để đuổi kịp một số nước phát triển trong khu vực cả về tăng trưởng kinh tế và phát triển con người, nhưng trước tình trạng thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao (qua đào tạo) ở các trung tâm công nghiệp, các thành phố lớn, các khu kinh tế mở, từ bài toán so sánh đơn giản sẽ cho chúng ta thấy bức tranh của giáo dục ở nước ta cần phải quan tâm.

Hiện nay cả nước có 11952 (2005) trường Trung học Phổ thông, 286 trường Trung học Chuyên nghiệp, 151 trường Cao đẳng (142 trường công lập, 9 trường ngoài công lập), 104 trường Đại học (79 trường công lập, 25 trường ngoài công lập) với số lượng học sinh, sinh viên khoảng 22 triệu, (1,4 triệu sinh viên Đại học, 346.891 sinh viên Cao đẳng) chiếm 1/4 số dân cả nước (Nguồn: niên giám thống kê 2005. NXB Thống kê 2005). Hàng năm tốc độ gia tăng sinh viên khoảng 10%. Tổ chức giáo dục hướng nghiệp cũng đang được quan tâm đáng kể; cả nước có khoảng 1018 trường và trung tâm dạy nghề nhưng tập trung chủ yếu ở các thành phố lớn; vùng đồng bằng, vùng sâu vùng xa ít được chú ý phát triển (điển hình có thể nêu là đồng bằng sông Cửu Long hiện có khoảng 8 triệu công nhân, nhưng chỉ có 10,2% đã qua đào tạo nghề). Trong lĩnh vực giáo dục đại học, ở

nước ta hiện nay, tỷ lệ sinh viên trên giảng viên là 28.2 cao hơn so với nhiều nước có nền kinh tế phát triển. (Nhật: 11,2; Hoa Kỳ 17,1) ngân sách đầu tư cho giáo dục tăng trung bình mỗi năm là 0,6% trong khi số sinh viên tăng hàng năm là 10%: các số liệu trên cho thấy:

Thứ nhất, giáo dục quốc gia không theo kịp với đà tăng trưởng kinh tế là điều không thể phủ nhận bởi lẽ trong thực tế tỷ lệ giảng viên trên sinh viên thấp so với các nước, việc cung cấp lao động có tay nghề giỏi trong nước và khu vực chưa đáp ứng được. Mặt khác, giáo dục hiện nay không chuyển biến kịp thời với chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Khi cơ cấu kinh tế có chuyển hướng rất mạnh sang các ngành dịch vụ và công nghiệp (du lịch, thương mại, sản xuất hàng tinh vi chính xác chất lượng cao) thì cơ cấu đào tạo chưa chuyển đổi kịp để đáp ứng cho những ngành này (công nhân lành nghề, kỹ thuật viên, chuyên gia của các lĩnh vực).

Thứ hai, giáo dục chưa đáp ứng được nhu cầu thị trường. Năm 2005 cả nước có khoảng 43.400.000 lao động, tăng khoảng 2,7% so với năm trước đó. Trong số này, chỉ có khoảng 24,8% là lao động có qua đào tạo (10,5% qua đào tạo nghề và tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp; 7,9% tốt nghiệp cao đẳng; 5,4% tốt nghiệp đại học). Phân theo thành phần kinh tế về lao động hiện có 56,8% làm trong lĩnh vực nông, lâm ngư nghiệp (KVI); 17,9% trong ngành công nghiệp xây dựng (KVII); 24,7% trong các ngành dịch vụ. Sự mất cân đối về trình độ, cấp bậc đào tạo và sử dụng lao động giữa các ngành là điều đáng quan tâm.

Thứ ba, sự mất cân đối về các loại hình đào tạo, đối tượng cần được đào tạo, và phạm vi lãnh thổ đào tạo đã duy trì khá dài vẫn chưa được điều chỉnh (các bậc đào tạo, ngành nghề đào tạo, các địa phương vùng sâu, xa và thành phố, thị xã .v.v...) Thực trạng ở những thành phố lớn như Hà Nội, TP.HCM là 2 trung tâm đào tạo lớn nhất với đầy đủ các loại hình đào tạo, trình độ

đào tạo cao nhưng vẫn phải đối đầu với tình trạng thiếu lao động. Đơn cử như ở TP.HCM giai đoạn 2001 – 2005 cần tuyển đến 1,1 triệu lao động trong đó có khoảng 730.000 công nhân lành nghề nhưng không đáp ứng được. Như vậy ở các vùng công nghiệp mới, vùng sâu, vùng xa nguồn lao động có tay nghề còn đòi hỏi cấp bách như thế nào?

### III. NHỮNG HẬU QUẢ VÀ SỰ TÌM KIẾM CHO TƯƠNG LAI

#### a. Có thể nhìn thấy vấn đề khó tránh là

Sự mất cân đối về cơ cấu đào tạo và chất lượng đào tạo dẫn đến nguy cơ mất khả năng cạnh tranh với thị trường lao động khu vực và thế giới. Minh chứng cho điều này có thể nêu một thực tế khách quan là số lao động đào tạo ra phải đi làm trái ngành nghề khá nhiều hoặc không xin được việc làm vì chuyên môn và trình độ không đáp ứng yêu cầu. Một con số ước tính có khoảng 70% số lao động học nghề xin được việc làm nhưng chỉ có 30% trong số này có việc làm phù hợp với nghề đã học.

Ra khỏi phạm vi quốc gia Việt Nam đã tham gia vào thị trường xuất khẩu lao động khá lớn ở khoảng 40 quốc gia, số lượng khoảng 400.000 lao động, trung bình mỗi năm chuyển về nước khoảng 1,6 triệu USD. Nhưng chỉ khoảng 1/2 số lao động này là có được đào tạo nghề, số còn lại là lao động phổ thông, trình độ ngoại ngữ thấp nên về lâu dài sức cạnh tranh sẽ giảm.

Hiện nay, Việt Nam là một trong nhóm các nước đang chịu chung khó khăn trong lĩnh vực đầu tư bảo toàn vốn quý, lực lượng quan trọng nhất của xã hội là con người. Giáo dục, đào tạo chưa bắt kịp và không đáp ứng được sự chuyển đổi nhanh chóng của nền kinh tế thị trường qua việc cung cấp lao động cho các ngành. Trong khi đó nhu cầu lao động không ngừng mở rộng ở cả trong nước và quốc tế (số lượng, chất lượng) ở tất cả các ngành kinh tế, văn hóa, xã hội và kể cả nhu cầu cuộc sống của bản thân người lao động (được làm việc, làm

việc đúng khả năng, đúng ngành nghề, đời sống, ...) đặt một trọng trách rất lớn cho giáo dục đào tạo ở nước ta trong thời kỳ phát triển kinh tế thị trường.

#### b. Tìm kiếm những giải pháp

Cho đến nay, chúng ta chưa có văn bản, nghị quyết nào công nhận đào tạo và sản phẩm đào tạo là một loại hàng hóa vì nó chưa thông dụng trong đời sống xã hội và quản lý. Nhưng thực chất những hoạt động đã nhắc nhở các cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng phải có cái nhìn mới, cái nhìn thực chất mới đưa sự nghiệp giáo dục, đào tạo phát triển phù hợp với phát triển kinh tế, nhanh chóng hòa nhập vào thị trường thế giới. Minh chứng cho thấy vấn đề này có thể thấy hiện nay cả nước có khoảng 25 trường đại học ngoài công lập và rất nhiều trường THCS, THPT dân lập, hoạt động hoàn toàn bằng nguồn ngân sách thu vào của học sinh, sinh viên (không có đầu tư của nhà nước) ngoài việc trả thù lao cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, ... còn lại nguồn tích lũy khá lớn cho “tái sản xuất” (xây dựng cơ sở, mua sắm trang thiết bị, chăm lo đời sống, ...), các trường này đã không chỉ tồn tại mà còn tiếp tục mở rộng qui mô, số lượng sinh viên, học sinh tăng nhanh (thị trường tiêu thụ sản phẩm lớn).

Xa thêm chút nữa hàng năm nhà nước ta cử khá nhiều học sinh, sinh viên đi học các trường ở các quốc gia trên thế giới với chi phí khá lớn cho một học viên (khoảng 15.000 USD/người/năm), mặc nhiên chúng ta đã sử dụng tiền để mua dịch vụ đào tạo và công nghệ đào tạo từ nước ngoài. Những nhà đầu tư nước ngoài đang đầu tư xây dựng các trường học 100% vốn đầu tư của họ ở Việt Nam đã tạo ra thị trường cạnh tranh gay gắt về “sản phẩm” đào tạo.

Những sản phẩm đào tạo thật sự đã trở thành sản phẩm hàng hóa khi các nhà tuyển dụng các doanh nghiệp, các cơ quan nghiên cứu không ngại ngần trả lương cao để được sử dụng những lao động có tay nghề cao, khả năng quản lý tốt. Điều đó các doanh nghiệp nước ngoài với kinh nghiệm họ đã

thành công (cùng đào tạo một ngành nhưng họ trả lương gấp 5 – 10 lần cho người được họ tuyển dụng so với những người làm ở cơ quan nhà nước hiện nay). Không lý do gì mà chúng ta lại không thấy, khi nhắc đến các trường đại học hầu hết đều biết đến các trường nổi tiếng như Bách khoa, Kinh tế, Tài chính ngân hàng, ... hay các trường THPT như Phổ thông Năng khiếu, Lê Hồng Phong, Trần Đại Nghĩa (TP.HCM), Quốc học Huế (Thừa Thiên Huế), Lê Hồng Phong (Nam Định); Chu Văn An (Hà Nội), ... chắc chắn rằng họ đã có dịch vụ tốt, sản phẩm của họ cao được xã hội thừa nhận.

Nhìn nhận từ thị trường, nhà trường hiện nay đều phải bán (cung cấp) các dịch vụ cho khách hàng (các đơn vị tiêu thụ, sử dụng); sản phẩm cuối cùng là lao động cho thị trường. Những lợi ích thu được từ dịch vụ này là “vô hình” nếu như quốc gia nào biết quản lý điều tiết tốt. Bài học về “thị trường” giáo dục đang và sẽ trở thành mục tiêu trước mắt và lâu dài ở nước ta. Những tầng trưởng về hợp tác đào tạo, trao đổi đào tạo, bản địa hóa đào tạo trong nhiều năm qua đã “châm ngòi” cho sự phát triển này.

Cần xem sản phẩm giáo dục đào tạo là loại hàng hóa nhưng là loại hàng hóa đặc biệt, nhà nước cần can thiệp vào lĩnh vực cạnh tranh để hạn chế cạnh tranh không lành mạnh. Đặc biệt là quản lý giữa các đơn vị được quyền tham gia vào thị trường này.

Hiện nay nhà nước đã cho phép các doanh nghiệp sản xuất, các đơn vị kinh tế được mở các lớp, hệ đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu nội bộ và tham gia vào thị trường xã hội. Tuy nhiên, nếu không có sự can thiệp của nhà nước chắc chắn thị trường cạnh tranh sẽ gay gắt, hậu quả sẽ khôn lường.

#### IV. KẾT LUẬN

Dưới áp lực của nền kinh tế thị trường, và của quá trình toàn cầu hóa; giáo dục đào tạo nước ta phải có bước chuẩn bị từ việc thay đổi nhận thức đến chuyên môn hóa nhiệm vụ, tiến trình thực hiện. Nếu không

thì sẽ không có chỗ đứng trong thị trường cạnh tranh đặc biệt này, hoặc nếu có cũng rất nhỏ bé, không tương xứng với tầm cỡ một quốc gia được cả thế giới ngưỡng mộ về nhiều lĩnh vực; quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ chậm lại.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hội thảo quốc tế: giáo dục đào tạo sự tìm kiếm chất lượng – TP. HCM tháng 4. 2006.
- [2] Phạm Phụ: Về khuôn mặt giáo dục đại học Việt Nam – NXB. ĐHQG TP. HCM tháng 12. 2006.
- [3] Viện Nghiên cứu Giáo dục: Niên giám khoa học 2005 – 2006 – ĐHSP TP. HCM năm 2006.
- [4] Tổng cục thống kê: Niên giám thống kê Việt Nam – NXB Thống kê năm 2006.
- [5] Hội thảo khoa học: Giáo dục vì sự phát triển bền vững trong thời đại toàn cầu hóa – Hà Nội tháng 12. 2005.